

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/7/2025  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đăng Thiện.

Bà Đỗ Thị Phương.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên;

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc: “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Sỹ T, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/4/1996, nhưng chị đã làm mất giấy đăng ký kết hôn, UBND xã X cũng không lưu trữ được hồ sơ thể hiện việc anh chị có đăng ký kết hôn nên chị không có đề xuất trình cho Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2008 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và chị đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn ra Tòa án, nhưng sau đó chị

lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Đến năm 2020, vợ chồng lại mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến vợ con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Sỹ T1, sinh năm 1996 và Hồ Sỹ Đ, sinh năm 2006. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khoẻ tốt nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh Hồ Sỹ T trình bày: Anh và chị H tự nguyện cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 1996, nhưng anh chị đã làm mất đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng không có gì to tát để làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Sỹ T1, sinh năm 1996 và Hồ Sỹ Đ, sinh năm 2006. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khoẻ tốt nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 26/UBND - HT ngày 25/4/2025 của UBND xã X thể hiện: *Qua kiểm tra hồ sơ lưu đăng ký kết hôn, số xác nhận tình trạng hôn nhân tại địa phương ở thời điểm 20/4/1996 không còn lưu giữ được, thông tin đăng ký kết hôn và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị H trong hồ sơ còn lưu trữ tại địa phương không có.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét

xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hồ Sỹ T. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không xem xét. Chị H phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn có địa chỉ tại: Thôn Q, xã X, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về nội dung:

[1.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hồ Sỹ T đều trình bày thống nhất vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa ngày 20/4/1996. Tuy nhiên anh chị đã làm mất và không xuất trình được đăng ký kết hôn cho Tòa án. UBND xã X, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa cũng đã xác nhận, tại địa phương không còn lưu trữ được thông tin về việc đăng ký kết hôn của chị H và anh T vào thời điểm anh chị khai báo, trong hồ sơ lưu trữ còn lại tại phương cũng không có. Do đó không có căn cứ để xác định anh chị đã đăng ký kết hôn.

Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay, quá trình chung sống chị H cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau, anh T không quan tâm đến vợ con và vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Xét anh chị sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị H có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T là phù hợp.

[1.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Sỹ T1, sinh năm 1996 và Hồ Sỹ Đ, sinh năm 2006. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt nên nên hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3] Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng: Chị H và anh T không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hồ Sỹ T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hồ Sỹ T có 02 con chung là Hồ Sỹ T1, sinh năm 1996 và Hồ Sỹ Đ, sinh năm 2006. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt nên nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006182 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Thanh Hoá) (chị đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;

**TOÀ**

- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;

- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA,

TAND tỉnh Thanh Hóa;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Ngọc Công**